

**ĐẠI HỌC HUẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**

**ĐẶNG HỮU TUẤN**

**PHÁP LUẬT VỀ**  
**KHAI THÁC, SỬ DỤNG QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN**  
**TRONG NHỮNG TRƯỜNG HỢP NGOẠI LỆ**

**Chuyên ngành: Luật kinh tế**

**Mã số: 838 01 07**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**Thừa Thiên Huế - Năm 2018**

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH  
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT – ĐẠI HỌC HUẾ**

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS Vũ Thị Hải Yến

Phản biện 1 TS. NGUYỄN THỊ HỒNG TRINH

Phản biện 2: PGS.TS. HÀ THỊ MAI HIÊN

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn thạc sĩ họp tại:  
Trường Đại học Luật Huế: 15 giờ 30, ngày 12 tháng 5 năm 2018.

## DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT

SHTT	Sở hữu trí tuệ
BERN	Công ước về bảo hộ các tác phẩm văn học, nghệ thuật
QTG, QLQ	Quyền tác giả, quyền liên quan
TRIPS	Hiệp định liên quan đến các khía cạnh thương mại của quyền sở hữu trí tuệ - Agreement on Trade – Related Aspects of Intellectual Property Rights
WIPO	Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới
WTO	Tổ chức thương mại thế giới
Luật SHTT năm 2005	Luật sở hữu trí tuệ 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009
NĐ 22/2018/NĐ-CP	Nghị định về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sở hữu trí tuệ 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan (thay thế Nghị định 100/2006/NĐ-CP và thay thế Nghị định 85/2011/NĐ-CP)

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU.....</b>	<b>01</b>
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	01
2. Tình hình nghiên cứu.....	02
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	03
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	04
5. Phương pháp nghiên cứu.....	05
6. Những đóng góp của luận văn.....	05
7. Bố cục của luận văn.....	06
<b>- Chương 1: Những vấn đề lý luận về quyền tác giả, quyền liên quan và qui định pháp luật về các trường hợp ngoại lệ trong quyền tác giả, quyền liên quan.....</b>	<b>07</b>
<b>1.1 Khái quát về Quyền tác giả, quyền liên quan.....</b>	<b>07</b>
1.1.1. Khái quát về quyền tác giả.....	07
1.1.2 Khái quát về Quyền liên quan.....	08
<b>1.2 Khái quát về khai thác quyền tác giả, quyền liên quan trong các trường hợp ngoại lệ.....</b>	<b>09</b>
1.2.1 Khái niệm về ngoại lệ.....	09
1.2.2 Các trường hợp ngoại lệ tại Việt Nam.....	09
<b>1.3 Cơ sở lý luận quy định về khai thác quyền tác giả, quyền liên quan trong các trường hợp ngoại lệ.....</b>	<b>10</b>
1.3.1 Cơ sở của việc qui định về các trường hợp ngoại lệ.....	10

1.3.2 Qui định cơ bản của việc khai thác, sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan trong các trường hợp ngoại lệ.....	11
<b>- Chương 2: Pháp luật về khai thác, sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan trong các trường hợp ngoại lệ.....</b>	<b>12</b>
<b>2.1 Các quy định của điều ước quốc tế, các qui định pháp luật của một vài nước thành viên trong công ước Bern và pháp luật Việt Nam về các trường hợp ngoại lệ.....</b>	<b>12</b>
2.1.1 Công ước Bern.....	12
2.1.2 Quy định pháp luật về ngoại lệ của một vài nước thành viên trong công ước Bern (Hoa Kỳ, Nhật Bản, Thụy Điển).....	12
2.1.3 Quy định của pháp luật Việt Nam về các trường hợp ngoại lệ.....	13
<b>2.2 Đánh giá chung về các trường hợp ngoại lệ giữa những quy định của pháp luật Việt Nam với điều ước quốc tế và một số nước châu lục (Mỹ, Nhật Bản, Thụy Điển).....</b>	<b>16</b>
2.2.1 Tương thích.....	16
2.2.2 Chưa tương thích.....	16
<b>- Chương 3: Thực tiễn thực hiện pháp luật, các giải pháp thực hiện và thực thi pháp luật về khai thác, sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan trong các trường hợp ngoại lệ tại Việt Nam.....</b>	<b>18</b>
<b>3.1 Thực tiễn thực hiện pháp luật về khai thác, sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan trong các trường hợp ngoại lệ.....</b>	<b>18</b>
3.1.1 Đánh giá tình hình thực hiện pháp luật thông qua các cuộc khảo sát thực tế tại các trường đại học.....	18
<b>3.2 Định hướng về các giải pháp hoàn thiện pháp luật, thực hiện</b>	

<b>pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan trong các trường hợp ngoại lệ.....</b>	<b>20</b>
3.2.1 Các giải pháp về hoàn thiện pháp luật.....	20
3.2.2 Về hoàn thiện tổ chức, bộ máy quản lý.....	21
3.2.3 Về hoàn thiện tổ chức, bộ máy thực thi.....	21
3.2.4 Về chiến lược tuyên truyền, hợp tác quốc tế, phổ cập giáo dục về quyền tác giả, quyền liên quan nhằm nâng cao nhận thức.....	21
<b>Kết luận.....</b>	<b>23</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Hơn 25 năm qua, kể từ bản Hiến pháp 1992 của nước CHXHCN Việt Nam, tại Điều 60 đã khẳng định Việt Nam luôn khuyến khích sáng tạo và bảo hộ quyền tác giả. Đến bản Hiến pháp 2013, tiếp tục khẳng định rằng “Mọi người có quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó (Điều 40)” và “Mọi người có quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa (Điều 41)”. Các điều khoản này có vai trò định hướng rõ đến quyền của hoạt động sáng tạo và nhu cầu hưởng thụ.

Chính vì sự quan tâm ngay từ đầu của Đảng và nhà nước về nhiệm vụ đổi mới này mà Việt Nam đã có các bước tiến nhảy vọt trong quá trình thiết lập quan hệ ngoại giao song phương và đa phương với các nước. Đối với hoạt động bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả, quyền liên quan nói riêng thì điều đó đã được minh chứng qua các hiệp định song phương và đa phương, như sau:

- Hiệp định giữa Chính phủ CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ về thiết lập quan hệ quyền tác giả, có hiệu lực từ ngày 23/12/1998

- Hiệp định giữa Chính phủ CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Liên bang Thụy Sĩ về bảo hộ sở hữu trí tuệ và hợp tác trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, có hiệu lực từ ngày 08/06/2000

- Công ước Bern về bảo hộ tác phẩm Văn học và Nghệ thuật, có hiệu lực từ ngày 26/10/2004

- Công ước Geneva về bảo hộ Nhà sản xuất bản ghi âm chống lại việc sao chép bất hợp pháp bản ghi âm của họ, có hiệu lực từ ngày 06/07/2005

- Công ước Brussels liên quan đến tín hiệu mang chương trình truyền hình qua vệ tinh, có hiệu lực từ ngày 12/01/2006

- Công ước Rome bảo hộ người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, tổ chức phát sóng, có hiệu lực từ ngày 01/03/2007

- Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (Hiệp định TRIPs) của tổ chức thương mại thế giới WTO, có hiệu lực từ ngày 11/01/2007

Luật Sở hữu Trí tuệ Việt Nam ra đời 2005 và có hiệu lực 2006. Trong mười năm thi hành với vai trò vừa bảo vệ quyền lợi cho các tác giả sáng tạo tác phẩm vừa bảo đảm quyền lợi cho người khai thác, sử dụng. Thật sự, là không dễ, khi vai trò của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan là phải làm sao để vừa cân bằng, hài hòa lợi ích giữa hai

chủ thể đều có quyền lợi và nhu cầu như nhau.

Chính vì điều này mà pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan không thể tránh được những bất cập, vướng mắc trong quá trình điều chỉnh.

Hơn nữa, từ trước đến nay đại đa số các chủ thể khi tiếp cận về pháp luật quyền tác giả, quyền liên quan như từ cơ quan thực thi đến doanh nghiệp khai thác nhằm mục đích thương mại hay kể cả các tổ chức phục vụ công tác học thuật, nghiên cứu, thư viện trong các trường đại học, giảng viên, sinh viên... Khi đề cập đến nhu cầu khai thác, lưu trữ, sao chép, trích dẫn là người sử dụng chỉ nghĩ rằng pháp luật chỉ bảo hộ cho người sáng tạo tác phẩm hay nếu tự ý xâm phạm đến tài sản trí tuệ của người khác thì sẽ phải chịu các chế tài xử phạt... Nhưng, thực tế là họ không chú trọng đến quyền lợi khai thác, khi bỏ qua các quy định về một số trường hợp ngoại lệ như không cần phải xin phép, không cần phải trả tiền nhuận bút, thù lao.

Vì các lý do trên, tác giả đã lựa chọn đề tài ***“Pháp luật về khai thác, sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan trong những trường hợp ngoại lệ”*** để làm luận văn thạc sĩ.

Khi chọn đề tài này, trước hết chính tác giả phải xác định ngay từ đầu rằng phải tự nghiên cứu và viết, không được sao chép của bất cứ ai. Và sẽ khai thác tối đa các trường hợp ngoại lệ mà pháp luật cho phép để vận dụng vào đề tài như việc trích dẫn, minh họa để làm sáng tỏ thêm cho đề tài thì cũng phải đúng pháp luật về quyền tác giả. Vậy, nếu luận văn này vi phạm bản quyền thì chính tác giả đã đi ngược lại mục đích và nhiệm vụ của đề tài.

Trong quá trình nghiên cứu và qua quá trình thực tiễn diễn ra trong thời gian gần đây, có rất nhiều vấn đề nổi cộm, gây tranh cãi như trường hợp một sinh viên phải bị kỷ luật nặng khi tự ý sao chép trái phép tài liệu... Một trong những trở ngại này cũng thêm phần thôi thúc tác giả đi sâu vào nghiên cứu đề tài với mục đích làm sáng tỏ thêm các quy định của pháp luật về quyền sao chép (*một trong những quyền ngoại lệ*), đối chiếu thêm một vài quy định cơ bản của luật pháp quốc tế về vấn đề này... Trên cơ sở đó, đề xuất những giải pháp, cụ thể hóa hơn nữa vai trò pháp luật Việt Nam về các trường hợp ngoại lệ khác nhằm góp phần hợp lý lợi ích giữa người sáng tạo và người khai thác, sử dụng.

## **2. Tình hình nghiên cứu**

Đối với Việt Nam, pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả, quyền liên quan nói riêng là lĩnh vực mới (*tham gia công ước Bern 2004, luật Sở hữu trí tuệ 2005, sửa đổi bổ sung 2009*). Chính vì sự mới mẻ này, mà thời gian khoảng mười năm trở lại đây các tổ chức học thuật trong nước đã quan tâm đầu tư và cho ra đời một số công trình hay và ý nghĩa. Trong đó có một số công trình nghiên cứu liên quan đến quyền



tác giả, quyền liên quan, như sau:

Luận văn thạc sĩ luật học của tác giả Nguyễn Minh Hải, trường Đại học Luật Hà Nội : - Bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí theo pháp luật Việt Nam, năm 2016.

Luận văn thạc sĩ luật học của tác giả Nguyễn Anh Đức, trường Đại học luật Hà Nội: - Bảo hộ quyền tác giả từ những xâm phạm từ internet trên thế giới và Việt Nam – phân tích dưới góc độ quyền con người, năm 2014.

Luận văn thạc sĩ luật học của tác giả Nguyễn Văn Huy, Trường Đại học Luật Hà Nội: - Bảo vệ quyền nhân thân trong lĩnh vực xuất bản - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, năm 2016.

Công trình nghiên cứu của thạc sĩ Hoàng Thị Thanh Hoa – Cục bản quyền tác giả: - Một số vấn đề liên quan đến quyền tác giả trong việc số hóa tài liệu, năm 2015.

Bên cạnh một số công trình nghiên cứu, có một số bài viết trên các tạp chí như: - Vấn đề quyền tác giả trong hoạt động đào tạo. Tác giả Đào Quang Chiến, *Tạp chí Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông*, 2006, tr. 423-428; - Vấn đề bản quyền tác giả trong kỷ nguyên số: Góc nhìn từ thư viện. Tác giả Phạm Thúc Trúc Lương, *Tạp chí Kỹ yếu hội thảo Tăng cường công tác tiêu chuẩn hóa trong hoạt động Thông tin - tư liệu*, 2006, tr. 79-84...

Tuy nhiên, liên quan đến vấn đề *Pháp luật về khai thác, sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan trong những trường hợp ngoại lệ* thì chưa thấy công trình nào nghiên cứu một cách tổng quan. Các khái quát, tổng thể về các trường hợp ngoại lệ quyền tác giả bên cạnh quyền độc quyền của tác giả đối với tác phẩm chưa được các tác giả đi sâu vào nghiên cứu và chưa đề cập các bất cập trong khai thác, sử dụng đối với trường hợp này.

Vấn đề áp dụng các giới hạn độc quyền, các trường hợp ngoại lệ để khai thác, sử dụng một cách hợp lý là quyền lợi trong sáng tạo, quyền lợi trong kinh tế rất lớn. Tuy nhiên, từ trước đến nay, khía cạnh này ít được quan tâm đúng mức và vận dụng để khai thác một cách triệt để. Chính vì vậy, mà tác giả đã mạnh dạn chọn đề tài này, không những thực hiện các phương pháp phân tích, làm rõ hơn các vấn đề lý luận cơ bản mà tác giả còn mạnh dạn tìm ra những bất cập, đưa ra các giải pháp có ý nghĩa quan trọng trong việc góp phần hoàn chỉnh pháp luật.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn**

#### **3.1 Mục đích của luận văn**

Mục đích của luận văn là làm sáng tỏ, thúc đẩy việc khai thác, sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan dựa trên các trường hợp ngoại lệ mà không vi phạm bản quyền.

Áp dụng các quy định pháp luật về ngoại lệ để khai thác, sử dụng các quy định pháp luật

về quyền tác giả, quyền liên quan.

Trên cơ sở đó, chỉ ra những bất cập còn tồn tại, để đề ra các giải pháp làm thế nào để khi áp dụng các trường hợp ngoại lệ mà vừa đảm bảo được quyền độc quyền của tác giả và chủ sở hữu tác phẩm vừa đảm bảo được quyền lợi của những người khai thác.

### **3.2 Nhiệm vụ của luận văn**

Để thỏa mãn mục đích đề ra, nhiệm vụ của luận văn là cần nghiên cứu những vấn đề cơ bản sau:

- Xác định những điểm cơ bản về quyền tác giả
- Xác định những điểm cơ bản về quyền liên quan
- Xác định các đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan
- Xác định các giới hạn về thời hạn bảo hộ
- Phân tích các hạn chế quyền độc quyền từ đó làm rõ hơn các quy định về ngoại lệ
- Phân tích các nhóm quyền ngoại lệ trong pháp luật Việt Nam
- Phân tích các nhóm quyền ngoại lệ trong luật pháp tại một số nước châu lục
- Các mối liên hệ về ngoại lệ trong điều ước quốc tế, luật quốc tế, luật Việt Nam
- Đánh giá qua số liệu các khảo sát thực tiễn xã hội về quyền tác giả, quyền liên quan tại Việt Nam
- Tác động của phép thử 3 bước do WIPO đề xuất đối với pháp luật Việt Nam
- Phân tích cơ chế pháp luật về ngoại lệ, cơ chế quản lý nhà nước nhằm thúc đẩy quyền sáng tạo và quyền lợi trong khai thác các trường hợp ngoại lệ

Từ các cơ sở lý luận như trên, tìm ra các giải pháp hợp lý cho việc hài hòa lợi ích giữa chủ thể sáng tạo và chủ thể khai thác sử dụng. Hoàn thiện vai trò pháp luật bảo hộ và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật quyền tác giả, quyền liên quan tại Việt Nam.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn**

### **4.1 Đối tượng nghiên cứu**

Luận văn nghiên cứu các quan điểm, các quy định pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ nói chung, quyền tác giả, quyền liên quan nói riêng tại Việt Nam. Các văn bản hướng dẫn và thi hành pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan hiện hành tại Việt Nam. Một vài quy định cơ bản quốc tế về ngoại lệ quyền tác giả. Các tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, những người khai thác, sử dụng, thụ hưởng nói chung và các trường hợp pháp luật về ngoại lệ nói riêng.

### **4.2 Phạm vi nghiên cứu**

Phạm vi nghiên cứu của luận văn bao gồm những vấn đề lý luận trên cơ sở pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan và tình hình khai thác sử dụng tài sản trí tuệ thuộc

quyền tác giả, quyền liên quan.

Giới hạn của phạm vi nghiên cứu được xác định:

+ Về lý luận: Pháp luật hiện hành quy định về quyền tác giả, quyền liên quan; Điều ước quốc tế; Pháp luật quốc tế về các trường hợp ngoại lệ.

+ Về nội dung: Phân tích các trường hợp ngoại lệ, làm rõ các quy định pháp luật về việc bảo hộ cho người sáng tạo và đảm bảo quyền lợi cho người khai thác, từ đó đưa ra các hướng khai thác sử dụng hiệu quả, hợp lý.

+ Về giải pháp: Thực trạng khai thác và giải pháp điều chỉnh một số quy định pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan.

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

### **5.1 Phương pháp luận**

Luận văn được định hướng theo phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam, các chính sách của nhà nước Việt Nam dựa trên tinh thần của bản Hiến pháp năm 1993 (tại điều 60), bản hiến pháp 2013 (tại điều 40, điều 41) của nước CHXHCN Việt Nam.

### **5.2 Phương pháp cụ thể**

+ Phương pháp phân tích: Các quy phạm pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan tại Việt Nam và các văn bản dưới luật, một số quy định pháp luật quốc tế về quyền tác giả, quyền liên quan.

+ Phương pháp tổng hợp: Vận dụng các số liệu tiếp nhận từ các tổ chức, cá nhân làm công tác xã hội học từ đó đánh giá rồi đưa ra các đề xuất cụ thể.

Ngoài ra luận văn còn vận dụng các phép thử, dẫn chiếu, phép so sánh, tư duy logic...

## **6. Những đóng góp của luận văn**

- Đối với các tổ chức, cá nhân làm công tác quản lý và thực thi: Nhận diện được mối quan hệ pháp luật về bảo vệ người sáng tạo tác phẩm và người khai thác sử dụng hợp lý, hai quan hệ này luôn có tính liên kết, tác động lẫn nhau vừa là giao dịch dân sự vừa giao dịch kinh tế. Từ đó những người làm công tác quản lý và thực thi định hướng để đưa ra các cơ chế chính sách hỗ trợ kịp thời. Chính sách vừa đảm bảo pháp luật cho người sáng tạo vừa cân bằng lợi ích cho người khai thác.

- Đối với các tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan: Giúp tác giả luôn yên tâm trong quá trình sáng tạo, đề tài làm rõ trong quá trình sáng tạo theo phương pháp hoàn toàn mới hoặc có tính kế thừa thì cũng luôn được đảm bảo tính pháp lý rõ ràng, minh bạch, việc sao chép hợp lý, trích dẫn, minh họa hợp lý được công khai, tôn trọng theo đúng tinh thần pháp luật.

Khẳng định về quyền nhân thân cũng là quyền tinh thần của tác giả, tác giả luôn được tôn trọng tuyệt đối quyền này dưới bất cứ trường hợp nào. Đề tài phân tích, phân biện về quyền độc quyền và hạn chế quyền độc quyền cũng là làm rõ các quy định về ngoại lệ quyền. Trách nhiệm của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với khoa học sáng tạo, tạo điều kiện chuyển tiếp, kế thừa, tạo động lực cho nghiên cứu làm giàu các tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học.

- Đối với người khai thác, sử dụng và thụ hưởng tài sản trí tuệ: Luận văn phân tích kỹ các trường hợp ngoại lệ của Việt Nam và một số nước. Từ đó, người khai thác có thể vận dụng một cách triệt để cho nhu cầu cá nhân, xã hội và cả các mục đích kinh doanh thương mại.

Bên cạnh đó luận văn cũng phân tích cho người khai thác và sử dụng thể hiện trách nhiệm đối với người sáng tạo, từ đó góp phần ý thức và nhận thức để thúc đẩy quyền lợi kinh tế, tinh thần cho người sáng tạo, thúc đẩy khai thác nhưng khai thác có trách nhiệm và góp phần bảo vệ giá trị tài sản trí tuệ theo đúng tinh thần pháp luật.

Từ các cơ sở lý luận mà đề tài đã phân tích kỹ lưỡng và làm rõ các vướng mắc của pháp luật, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm khắc phục những bất cập, góp phần hoàn thiện các quy định pháp luật đối với việc khai thác và sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan trong các trường hợp ngoại lệ.

Đồng thời, trong giới hạn và chừng mực nào đó, luận văn sẽ là một tài liệu cần thiết cho những người làm công tác quản lý, thực thi, học tập, nghiên cứu, giảng dạy, lưu trữ, phúc lợi xã hội...

## **7. Bố cục luận văn**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, luận văn bao gồm 3 chương với kết cấu như sau:

- Chương 1: Những vấn đề lý luận về quyền tác giả, quyền liên quan và trường hợp ngoại lệ quyền tác giả, quyền liên quan

- Chương 2: Pháp luật về khai thác, sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan trong các trường hợp ngoại lệ

- Chương 3: Thực tiễn thực hiện pháp luật, các giải pháp thực hiện và thực thi pháp luật về khai thác, sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan trong các trường hợp ngoại lệ tại Việt Nam

## Chương 1

# NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN VÀ TRƯỜNG HỢP NGOẠI LỆ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN

### 1.1 Khái quát về quyền tác giả, quyền liên quan

#### 1.1.1 Khái quát quyền tác giả

Quyền tác giả bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản.

Trong đó, quyền nhân thân là quyền đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm, được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng và được đặt tên cho tác phẩm. Quyền nhân thân được pháp luật bảo hộ vô thời hạn.

Quyền tài sản còn gọi là quyền kinh tế, người nắm quyền này có toàn quyền định đoạt về tài sản trí tuệ của mình. Quyền tài sản được pháp luật bảo hộ có thời hạn và khác với quyền nhân thân thì tổ chức, cá nhân nắm quyền tài sản được độc quyền chuyển nhượng toàn bộ tài sản của mình hoặc chuyển quyền cho người khác sử dụng và sử dụng một phần.

##### 1.1.1.1 Đối tượng bảo hộ quyền tác giả

Đối tượng bảo hộ quyền tác giả phải là các loại hình tác phẩm về văn học, nghệ thuật và khoa học. Quyền tác giả tại Việt Nam không bảo hộ ý tưởng, nguyên lý, số liệu vụn vặt...

Các loại hình tác phẩm thuộc về tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học và được bảo hộ quyền tác giả theo luật SHTT Việt Nam:

- Tác phẩm khoa học, văn học, sách giáo khoa, giáo trình;
- Bài giảng, bài phát biểu, bài nói;
- Tác phẩm báo chí; âm nhạc; sân khấu; điện ảnh;
- Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng; nhiếp ảnh; kiến trúc; bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình kiến trúc, công trình khoa học;
- Tác phẩm nghệ thuật dân gian
- Tác phẩm văn học và các tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác và tác phẩm phái sinh...
- Chương trình máy tính
- Tác phẩm nghệ thuật dân gian (*Các loại hình điệu múa, vở diễn, nghi lễ, các trò chơi, truyện, thơ, câu đố, điệu hát và làn điệu âm nhạc...*)

#### *1.1.1.2 Giới hạn về thời hạn bảo hộ quyền tác giả*

- Giới hạn về thời hạn bảo hộ là việc quy định một khoảng thời hạn bảo hộ nhất định, trong quyền tác giả thì quyền nhân thân được bảo hộ vô thời hạn nhưng quyền tài sản thì được bảo hộ có giới hạn.

- Tác phẩm điện ảnh, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm khuyết danh có thời hạn bảo hộ là 75 năm kể từ khi tác phẩm được công bố lần đầu tiên.

- Đối với tác phẩm điện ảnh, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng chưa được công bố trong thời hạn 25 năm thì kể từ khi tác phẩm được định hình thì thời hạn bảo hộ là 100 năm.

- Đối với các tác phẩm còn lại như tác phẩm viết, âm nhạc, kiến trúc... thì được bảo hộ suốt cả cuộc đời tác giả và cộng thêm 50 năm kể từ khi tác giả qua đời.

Thời hạn bảo hộ chấm dứt vào thời điểm 24 giờ ngày 31 tháng 12 của năm chấm dứt thời hạn bảo hộ.

#### *1.1.2 Khái quát về quyền liên quan*

Quyền liên quan là quyền của các tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động sáng tạo, chuyển tải tác phẩm thuộc quyền tác giả đến công chúng.

Vậy, quyền liên quan được lập trên mỗi liên hệ cơ sở là từ quyền tác giả. Quyền này bao gồm quyền của những người biểu diễn, cuộc biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình và các tổ chức phát sóng.

Những người biểu diễn có quyền được giới thiệu tên khi biểu diễn, khi phát hành, phát sóng cuộc biểu diễn, bảo vệ toàn vẹn hình tượng biểu diễn, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự, uy tín.

##### *1.1.2.1 Đối tượng bảo hộ quyền liên quan*

Đối tượng thuộc quyền liên quan là:

- Cuộc biểu diễn;
- Bản ghi âm, ghi hình;
- Chương trình phát sóng;
- Tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa của các tổ chức phát sóng.

##### *1.1.2.3 Giới hạn về thời hạn bảo hộ quyền liên quan*

- Thời hạn bảo hộ quyền liên quan:

Quyền của người biểu diễn, quyền của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình và thời hạn bảo hộ về quyền của tổ chức phát sóng đều được bảo hộ với thời hạn giống nhau là 50 năm.

Thời điểm chấm dứt bảo hộ các quyền của người biểu diễn, quyền của nhà sản

xuất bản ghi âm, ghi hình và quyền của tổ chức phát sóng cũng được quy định chấm dứt vào thời điểm 24h ngày 31 tháng 12 của năm hết thời hạn bảo hộ.

## **1.2 Khái quát về khai thác quyền tác giả, quyền liên quan trong các trường hợp ngoại lệ.**

### **1.2.1 Khái niệm về ngoại lệ**

Trong tất cả các văn bản quy phạm về sở hữu trí tuệ tại Việt Nam nói chung và quyền tác giả, quyền liên quan nói riêng thì đến nay vẫn chưa có bất cứ một giải thích thuật ngữ nào về *ngoại lệ*.

Tuy nhiên, tại khoản 2, điều 9 Công ước Bern quy định về các trường hợp ngoại lệ, đó là: *Luật pháp quốc gia thành viên Liên hiệp, trong một số trường hợp đặc biệt, có quyền cho phép sao in những tác phẩm, miễn là sự sao in đó không gây phương hại đến việc khai thác bình thường tác phẩm hoặc không gây ảnh hưởng bất hợp lý đến những quyền lợi hợp pháp của tác giả.*

Và tại điều 13 của Hiệp định Trips (WTO) quy định về một số trường hợp ngoại lệ, đó là: *Các thành viên phải giới hạn những hạn chế và ngoại lệ đối với các quyền độc quyền trong những trường hợp đặc biệt nhất định mà không mâu thuẫn với việc khai thác bình thường một tác phẩm và không làm tổn hại một cách bất hợp lý đến lợi ích hợp pháp của người nắm giữ quyền.*

Từ hai quy định mang tính mở và bắt buộc áp dụng tối thiểu như trên, từ đó có thể đưa ra khái niệm về ngoại lệ trong quyền tác giả, quyền liên quan, đó là: *Bên cạnh quyền độc quyền của chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan thì trong một số trường hợp đặc biệt, quyền độc quyền này sẽ bị một số giới hạn và hạn chế - đó là ngoại lệ.*

### **1.2.2 Các trường hợp ngoại lệ tại Việt Nam**

Các ngoại lệ của quyền tác giả, quyền liên quan được chia thành 2 trường hợp.

Trường hợp thứ nhất: + Khai thác, sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan không cần phải xin phép không phải trả tiền nhuận bút, thù lao;

Trường hợp thứ hai: + Khai thác, sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan không cần phải xin phép nhưng phải trả tiền nhuận bút, thù lao.

Cả hai trường hợp này được áp dụng với điều kiện một khi tác phẩm, đối tượng bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đã được công bố.

Trường hợp thứ nhất được hiểu như là trong một số các hình thức cụ thể nhất định thì việc khai thác, sử dụng là *tự do*. Tuy nhiên đối với trường hợp này, hình thức cụ thể như việc tự sao chép không áp dụng đối với tác phẩm kiến trúc, tác phẩm tạo hình và chương trình máy tính. Mọi trường hợp sử dụng đều phải dẫn chiếu nguồn gốc xuất xứ, bao gồm tên tác phẩm, tên tác giả, xuất bản... đối với tác phẩm được sử dụng để trích dẫn.

Tất cả các trường hợp trích dẫn đều phải đặt trong dấu ngoặc kép.

Trường hợp thứ hai theo thông lệ quốc tế có thể được hiểu như là *cấp phép bắt buộc hay giấy phép tập thể mở rộng*. Trường hợp này Luật SHTT Việt Nam áp dụng cho các đối tượng khai thác sử dụng là các tổ chức cá nhân hoạt động kinh doanh, thương mại, các tổ chức, đơn vị phát sóng được phép sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, nhưng phải trả tiền theo thỏa thuận kể từ khi sử dụng tác phẩm. Tuy nhiên, việc khai thác, sử dụng tác phẩm đã công bố trong các trường hợp này không làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường của tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng và không gây phương hại đến quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả và người biểu diễn. Phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm và trường hợp thứ hai này không áp dụng đối với tác phẩm điện ảnh.

### **1.3 Cơ sở lý luận quy định về khai thác quyền tác giả, quyền liên quan trong các trường hợp ngoại lệ.**

#### **1.3.1 Cơ sở của việc qui định về các trường hợp ngoại lệ**

Việc quy định về các trường hợp ngoại lệ xuất phát từ điều khoản mở tại điều 9 Công ước Bern và được yêu cầu bắt buộc tối thiểu từ điều 13 của Hiệp định Trips (WTO) và phép thử 3 bước mà WIPO đề xuất.

*“Luật pháp quốc gia thành viên Liên hiệp, trong một số trường hợp đặc biệt, có quyền cho phép sao in những tác phẩm, miễn là sự sao in đó không gây phương hại đến việc khai thác bình thường tác phẩm hoặc không gây ảnh hưởng bất hợp lý đến những quyền lợi hợp pháp của tác giả.” (Bern)*

*“Các thành viên phải giới hạn những hạn chế và ngoại lệ đối với các quyền độc quyền trong những trường hợp đặc biệt nhất định mà không mâu thuẫn với việc khai thác bình thường một tác phẩm và không làm tổn hại một cách bất hợp lý đến lợi ích hợp pháp của người nắm giữ quyền.” (Trips).*

Nhằm hài hòa lợi ích và tạo điều kiện tối đa có thể cho người tiếp cận, khai thác các ngoại lệ nằm ngoài các quyền độc quyền của chủ sở hữu tài sản trí tuệ. Xuất phát từ yêu cầu này, WIPO - Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới đã đề xuất phép thử 3 bước.

*Nguyên tắc phép thử 3 bước mà WIPO đề xuất:*

Một là, *giới hạn quyền chỉ là những trường hợp đặc biệt phải ghi rõ tại luật;*

Hai là, *không thể làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm;*

Ba là, *không gây phương hại đến quyền của chủ sở hữu.*

- Nguyên tắc của phép thử 3 bước này là lộ trình cho các quốc gia liên hiệp đã tham gia ký kết Công ước Bern, các quốc gia thành viên trong WTO (Trips) và các quốc gia tham gia các thỏa thuận song phương và đa phương liên quan đến quyền tác giả.



Cơ sở lý luận theo việc vận dụng các phép thử 3 bước này, tại Việt Nam về nội dung và hình thức đã triển khai ban hành trong luật sở hữu trí tuệ.

Luật SHTT Việt Nam 2009, tại các điều 25, điều 32 và điều 26, điều 33 và tại Nghị định 22/2018-NĐ-CP hướng dẫn thi hành luật SHTT Việt Nam.

### ***1.3.2 Quy định cơ bản của việc khai thác, sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan trong các trường hợp ngoại lệ***

Một là, việc khai thác sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan trong các trường hợp ngoại lệ chỉ được áp dụng đối với tác phẩm đã công bố.

Hai là, việc khai thác sử dụng phải luôn tôn trọng quyền nhân thân của tác giả đối với tác phẩm, đó là các quyền nêu tên thật hoặc bút danh đối với tác giả, nêu tên tác phẩm và đặc biệt là phải bảo toàn sự toàn vẹn của tác phẩm.

Ba là, đối với trường hợp tự sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học và giảng dạy cá nhân hay sao chép tác phẩm để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu thì ngoại trừ ba tác phẩm là kiến trúc, tác phẩm tạo hình và chương trình máy tính và đối với tổ chức phát sóng thì ngoại trừ thêm tác phẩm điện ảnh thì không được áp dụng các trường hợp ngoại lệ. Còn lại tất cả các loại hình tác phẩm khác sẽ được áp dụng các trường hợp ngoại lệ để khai thác, sử dụng.

#### **Tiểu kết chương 1**

Tóm lại, thuật ngữ “ngoại lệ” về quyền tác giả, quyền liên quan không được đề cập trong pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, công ước Bern, hiệp định Trips đã đưa ra các quy định về ngoại lệ và các giới hạn về ngoại lệ này được các quốc gia thành viên trong đó có Việt Nam đã phân chia thành hai nhóm tương đối như sau:

Nhóm thứ nhất: - Không cần phải xin phép và không cần phải trả tiền nhuận bút thù lao.

Nhóm thứ hai: - Không cần phải xin phép nhưng phải trả tiền nhuận bút thù lao.

Những vấn đề lý luận cho cơ sở các quy định này đã được trình bày cụ thể tại các qui định pháp luật về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm và quyền liên quan đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình... bên cạnh đó đã khái quát các cơ sở lý luận về ngoại lệ và phép thử 3 bước mà WIPO đã đề xuất nhằm làm rõ các cơ sở lý luận về việc khai thác, sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan trong các trường hợp ngoại lệ mà các điều ước quốc tế và pháp luật Việt Nam đã đưa ra.

## Chương 2

### PHÁP LUẬT VỀ KHAI THÁC, SỬ DỤNG QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP NGOẠI LỆ

#### **2.1 Các quy định của điều ước quốc tế, các qui định pháp luật của một vài nước thành viên trong công ước Bern và pháp luật Việt Nam về các trường hợp ngoại lệ.**

Để so sánh, đối chiếu tính tương thích hay chưa tương thích giữa các quốc gia thành viên có ngành công nghiệp bản quyền phát triển như Mỹ, Nhật Bản, Thụy Điển<sup>1</sup>... họ đã xây dựng, triển khai và đề xuất các giải pháp này như thế nào và trong đó Việt Nam cũng từng bước hoàn thiện về pháp luật nội dung và hình thức áp dụng như thế nào. Sự khác nhau và giống nhau trong việc điều chỉnh các trường hợp ngoại lệ của các nước, những điều chỉnh này có nằm trong quy hoạch tổng thể của công ước Bern, giải pháp nào để cân bằng giữa hai nhóm lợi ích, vừa bảo vệ quyền độc quyền cho người sáng tạo vừa hài hòa lợi ích về nhu cầu khai thác nguồn tri thức trong tác phẩm.

##### **2.1.1 Công ước Bern**

- Quy định các hình thức áp dụng ngoại lệ của Công ước Bern:

Minh họa các xuất bản phẩm, phát sóng, ghi âm hoặc ghi hình để giảng dạy, miễn sao việc làm này phải phù hợp với thông lệ đúng đắn. Và khi sử dụng tác phẩm như sao in, trích dẫn kể cả minh họa phục vụ giảng dạy..., phải ghi rõ nguồn gốc tác phẩm và tên tác giả nếu có và những trích dẫn rút ra từ một tác phẩm đã được phổ cập tới công chúng một cách hợp pháp (*đối với tác phẩm đã công bố*).

Tại khoản 2 của điều 10bis Công ước Bern cũng mở rộng thêm một số hình thức áp dụng sử dụng tự do đối với việc chụp ảnh, quay phim hay phát sóng từ các tác phẩm văn học nghệ thuật nghe nhìn và các hình thức này chỉ nhằm mục đích phục vụ cho việc đưa bản tin thì vẫn nằm trong trường hợp là ngoại lệ.

##### **2.1.2 Quy định pháp luật về ngoại lệ của một vài nước thành viên trong công ước Bern (Hoa Kỳ, Nhật Bản, Thụy Điển)**

Trong khuôn khổ đề tài này, tác giả quan tâm chọn pháp luật về các trường hợp ngoại lệ của 3 nước Hoa Kỳ, Thụy Điển và Nhật Bản là 3 nước đại diện cho ba châu lục

---

<sup>1</sup> Nhật Bản đã tham gia Công ước Bern vào năm 1899. cách đây gần 120 năm. Việt Nam tham gia Công ước Bern 2006, đến nay hơn 10 năm.

có nền công nghiệp bản quyền phát triển và tiến bộ trên thế giới hiện nay.

**- Các quy định về ngoại lệ đối với pháp luật Hoa Kỳ:**

Trước khi áp dụng các quy định về trường hợp ngoại lệ, pháp luật về quyền tác giả Hoa Kỳ đã khẳng định về các quyền độc quyền đối với tác phẩm tại điều 106 và bổ sung thêm điều 106A về quyền của tác giả đối với việc nêu nguồn gốc tác phẩm, tác giả và bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm.

Tùy thuộc vào từng hoàn cảnh và hình thức áp dụng ngoại lệ, luật Quyền tác giả Hoa Kỳ quy định về hình thức ngoại lệ trên từng điều khoản áp dụng.

**- Các quy định về ngoại lệ đối với pháp luật Thụy Điển:**

Đối với các trường hợp ngoại lệ thì Luật Quyền tác giả Thụy Điển chia làm hai mục đích sử dụng khác nhau. Trước là nhằm mục đích sử dụng cho cá nhân và tiếp theo là mục đích sử dụng công cộng...

**- Các quy định về ngoại lệ đối với pháp luật Nhật Bản:**

Mặt dù Nhật Bản cũng là một trong số các nước có nền tảng pháp luật lâu đời, đặc biệt là một trong các nước châu Á tham gia Công ước Bern từ rất sớm (năm 1899). Nhưng đối với các trường hợp ngoại lệ thì Nhật Bản đặc biệt quan tâm và liên tục điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung.

Nhật Bản đã điều chỉnh các trường hợp này theo phương pháp phân nhóm theo từng mục đích sử dụng cụ thể...

**2.1.3 Quy định của pháp luật Việt Nam về các trường hợp ngoại lệ**

Đối với các trường hợp ngoại lệ trong quyền tác giả, quyền liên quan thì được Luật Sở hữu Trí tuệ Việt Nam chia thành 2 nhóm.

- Nhóm thứ nhất: *Khai thác, sử dụng không cần phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút thù lao;*

- Nhóm thứ hai: *Không cần phải xin phép nhưng phải trả tiền nhuận bút thù lao.*

**2.1.3.1 Khai thác, sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan không cần phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao**

**Thứ nhất: Hình thức sử dụng**

*Một là, Sao chép một bản*

Tự sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy cá nhân. Sao chép không quá một bản tác phẩm để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu. Tự sao chép một bản cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng để nhằm mục đích giảng dạy, nhưng trừ trường hợp các đối tượng quyền liên quan này đã được công bố với mục đích chính là để giảng dạy.

*Hai là, Trích dẫn*

Trích dẫn hợp lý tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để bình luận hoặc minh họa trong tác phẩm của mình, trích dẫn tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để viết báo, dùng trong các ấn phẩm định kỳ, trong chương trình phát thanh truyền hình, phim tư liệu và trích dẫn tác phẩm để giảng dạy trong nhà trường mà không làm sai ý tác giả, không nhằm mục đích thương mại.

Trích dẫn hợp lý từ cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đã được công bố nhằm mục đích cung cấp thông tin.

*Ba là*, Ghi âm, ghi hình, chụp hình

Ghi âm, ghi hình trực tiếp buổi biểu diễn để đưa tin thời sự hoặc để giảng dạy. Chụp ảnh, truyền hình tác phẩm tạo hình, kiến trúc, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng được trưng bày tại nơi công cộng nhằm giới thiệu hình ảnh của tác phẩm đó.

*Bốn là*, Biểu diễn tác phẩm

Biểu diễn tác phẩm sân khấu, loại hình biểu diễn nghệ thuật khác trong các buổi sinh hoạt văn hóa, tuyên truyền cổ động mà không thu tiền dưới bất cứ hình thức nào.

*Năm là*, Chuyển thể tác phẩm

Chuyển tác phẩm sang chữ nổi hoặc ngôn ngữ khác cho người khiếm thị.

*Sáu là*, Nhập khẩu bản sao

Nhập khẩu bản sao tác phẩm của người khác để sử dụng riêng

*Bảy là*, Bản sao tạm thời để phát sóng

Tổ chức phát sóng tự làm bản sao tạm thời từ cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng để phát sóng khi được hưởng quyền phát sóng.

#### **Thứ hai: Mục đích khai thác**

Các hình thức sao chép, trích dẫn, biểu diễn, ghi âm, ghi hình, chụp ảnh, truyền hình, chuyển thể, nhập khẩu bản sao đối với tác phẩm thuộc quyền tác giả và các đối tượng quyền liên quan đã công bố mà không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút thù lao cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan đồng thời việc khai thác, sử dụng tự do này được quy định phụ thuộc theo từng nhu cầu và mục đích phù hợp như sau:

Một là, sử dụng để nghiên cứu khoa học, giảng dạy cá nhân;

Hai là, sử dụng để lưu trữ trong thư viện phục vụ cho mục đích nghiên cứu;

Ba là, sử dụng để bình luận, minh họa, viết báo, ấn phẩm;

Bốn là, sử dụng để biểu diễn, giới thiệu;

Năm là, sử dụng để đưa tin thời sự;

Sáu là, sử dụng để phục vụ cho người khiếm thị;

Bảy là, nhập khẩu bản sao để sử dụng riêng.

- Hình thức sử dụng và mục đích khai thác tuân thủ đúng theo các trường hợp trên thì không cần phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút thù lao. Phải tôn trọng quyền nhân thân của tác giả tác phẩm và nhân thân tác giả của người biểu diễn, phải đưa thông tin về tên tác giả, nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm.

Khi khai thác, sử dụng cần chú ý không được làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng và không gây phương hại đến quyền tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả và không gây phương hại đến quyền của người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng.

*2.1.3.2 Khai thác, sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan không cần phải xin phép, nhưng phải trả tiền nhuận bút, thù lao*

Ngoại lệ thứ hai này theo thông lệ quốc tế được xem như giấy phép bắt buộc, giấy phép tập thể mở rộng hay giấy phép thỏa thuận hoặc một phần tương tự tại Việt Nam quy định trong trường hợp ngoại lệ về khai thác, sử dụng các trường hợp mà không cần xin phép, nhưng phải trả tiền nhuận bút thù lao. Nhóm ngoại lệ này cũng có thể được xem như hình thức dùng trước, trả sau.

Ngoại lệ này rất có lợi cho các tổ chức, cá nhân, đơn vị liên quan đến phát sóng và đối với tác phẩm thuộc quyền tác giả thì ngoại lệ này cũng chỉ quy định đối với tổ chức phát sóng. Trừ tác phẩm điện ảnh còn lại ngoại lệ này áp dụng cho tất cả các tác phẩm.

- *Trường hợp 1.* Tổ chức phát sóng sử dụng tác phẩm đã công bố để thực hiện chương trình phát sóng có tài trợ, quảng cáo hoặc thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào không phải xin phép nhưng phải trả tiền nhuận bút, thù lao cho chủ sở hữu quyền tác giả kể từ khi sử dụng. Mức nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất khác và phương thức thanh toán do các bên thỏa thuận. Trường hợp không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định của chính phủ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật.

- *Trường hợp 2.* Đối với tổ chức phát sóng sử dụng tác phẩm đã công bố để phát sóng dù không có tài trợ, quảng cáo hoặc không thu tiền dưới bất cứ hình thức nào thì vẫn không phải xin phép nhưng phải trả tiền nhuận bút thù lao theo quy định chính phủ.

- Đối với các đối tượng là các bản ghi âm, ghi hình thuộc quyền liên quan thì ngoại lệ này được quy định tại Điều 33 của Luật Sở hữu Trí tuệ 2009. Tại khoản 1 và khoản 2 của điều luật này có thể phân chia theo 3 trường hợp mà áp dụng ngoại lệ không cần phải xin phép nhưng phải trả tiền nhuận bút, thù lao như sau:

- Trường hợp 1: Sử dụng trực tiếp, gián tiếp bản ghi âm, ghi hình đã công bố nhằm mục đích thương mại để phát sóng có doanh lợi;

- Trường hợp 2: Sử dụng trực tiếp, gián tiếp bản ghi âm, ghi hình đã công bố

nhằm mục đích thương mại để phát sóng không có doanh lợi;

- Trường hợp 3: Không liên quan đến phát sóng. Sử dụng bản ghi âm, ghi hình đã công bố nhằm mục đích kinh doanh, thương mại.

## **2.2 Đánh giá chung về các trường hợp ngoại lệ giữa những quy định của pháp luật Việt Nam với điều ước quốc tế và một số nước trong châu lục (Mỹ, Nhật Bản, Thụy Điển)**

### **2.2.1 Tương thích**

Trước tiên, xét trên tiêu chí phép thử 3 bước mà WIPO đề xuất:

- *Giới hạn quyền chỉ là những trường hợp đặc biệt phải ghi rõ tại luật;*
- *Không thể làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm;*
- *Không gây phương hại đến quyền của chủ sở hữu.*

Đối với Công ước Bern thì hình thức ngoại lệ được yêu cầu như sau:

Minh họa các xuất bản phẩm, phát sóng, ghi âm hoặc ghi hình để giảng dạy, miễn sao việc làm này phải phù hợp với thông lệ đúng đắn. Và khi sử dụng tác phẩm như sao in, trích dẫn kể cả minh họa phục vụ giảng dạy..., phải ghi rõ nguồn gốc tác phẩm và tên tác giả nếu có và những trích dẫn rút ra từ một tác phẩm đã được phổ cập tới công chúng một cách hợp pháp (*đối với tác phẩm đã công bố*).

Đối với pháp luật Việt Nam, các trường hợp ngoại lệ đã được điều chỉnh theo hai nhóm:

- *Không cần phải xin phép, không cần phải trả tiền nhuận bút thù lao;*
- *Không cần phải xin phép nhưng phải trả tiền nhuận bút thù lao.*

Vậy, đối chiếu trong phạm vi này thì pháp luật Việt Nam cũng đã cơ bản tương thích và tuân thủ các tiêu chuẩn của công ước Bern. Đó là việc sao chép, trích dẫn dù với mục đích nào cũng phải tuân thủ tính hợp lý. Tại Điều 22 của Nghị định 22/2018/ND-CP vừa mới ban hành và có hiệu lực ngày 23/2/2018 đã hướng dẫn chi tiết việc thi hành pháp luật đối với việc tự sao chép tác phẩm chỉ được áp dụng đối với mục đích nghiên cứu học và giảng dạy cá nhân và chú ý là không vì mục đích thương mại mà tự ý sao chép.

Và pháp luật Việt Nam qui định khi khai thác, sử dụng các trường hợp ngoại lệ không được làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm, không gây phương hại đến uy tín, danh dự của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả.

### **2.2.2 Chưa tương thích**

Một là, việc trích dẫn như thế nào là hợp lý thì cũng khó xác định. Về hình thức thì có thể dễ nhận biết tính đúng đắn trong việc trích dẫn, đó là phải nêu rõ nguồn gốc, xuất xứ của việc trích dẫn thông qua các chú thích cuối trang tác phẩm. Nhưng về số lượng trích dẫn là bao nhiêu phần trăm trong một số lượng chữ thì hiện nay đa số các

nước trong đó có Mỹ, Thụy Điển và Nhật Bản cũng chưa nêu ra.

Hai là, tự sao chép không quá một bản để lưu trữ trong thư viện, hay tự sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy cá nhân.

Yêu cầu này thật sự không dễ, mặc dầu có hạn chế được một phần quyền độc quyền của chủ sở hữu tác phẩm đối với việc cho phép người khai thác tự do sao chép một bản. Nhưng mục đích của việc sao chép chỉ là nghiên cứu khoa học, hay giảng dạy cá nhân.

Ba là, qui định về giấy phép tập thể mở rộng trong hoạt động giáo dục, hay phát thanh, truyền hình...

Tại Việt Nam thì thuật ngữ giấy phép mở rộng không được đưa ra trong luật. Trường hợp này, chiếu theo các qui định của Mỹ, Nhật Bản và Thụy Điển thì Việt Nam không qui định cụ thể trong luật về giấy phép tập thể mở rộng nhưng ngược lại Việt Nam đã phân theo nhóm và thuận lợi của việc qui định này là để nhận biết cho các chủ thể khai thác là trong trường hợp nào và vì mục đích sử dụng nào thì sẽ không cần phải xin phép nhưng phải trả tiền nhuận bút thù lao. Đây được xem là qui định mở rộng các giới hạn về ngoại lệ quyền mà tại Việt Nam không bắt buộc phải xin phép chủ thể trước khi khai thác và sử dụng.

## **Tiểu kết chương 2**

Mặc dù thuật ngữ về ngoại lệ không đưa ra cụ thể trong luật nhưng việc phân theo nhóm và đưa ra yêu cầu hình thức áp dụng và mục đích áp dụng thì luật SHTT Việt Nam cũng đã cụ thể được vai trò hạn chế được một số các quyền độc quyền của tác giả.

So với một số nước thì giữa Việt Nam và các nước còn một số điểm chưa tương thích. Nhưng mỗi nước đều có một cơ chế điều chỉnh phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội, đặc điểm và hình thức tiếp cận các trường hợp khác nhau. Như Hoa Kỳ thì xây dựng các trường hợp ngoại lệ đều xoay quanh các ràng buộc bởi quyền độc quyền của tác giả đối với tác phẩm. Nhưng đối với Thụy Điển thì các quy định về ngoại lệ được xây dựng không xoay quanh các quyền độc quyền như Hoa Kỳ mà theo từng hình thức áp dụng phụ thuộc vào hoàn cảnh cụ thể khác nhau....

Nhưng trên thực tế là các nước đã tích cực tìm cách làm thế nào để vừa đảm bảo được cơ chế pháp luật cho người sáng tạo, vừa đảm bảo được quyền lợi cho người khai thác, sử dụng. Trong chừng mực nào đó việc cân bằng, hài hòa lợi ích giữa hai chủ thể là không dễ nhưng hầu như pháp luật các nước và trong đó có Việt Nam đã điều chỉnh tối đa các quyền ngoại lệ này phù hợp với thông lệ quốc tế và phù hợp với hoàn cảnh kinh tế, xã hội tại Việt Nam.

## Chương 3

### **THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT, CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN VÀ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ KHAI THÁC, SỬ DỤNG QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP NGOẠI LỆ TẠI VIỆT NAM**

#### **3.1 Thực tiễn thực hiện pháp luật về khai thác, sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan trong các trường hợp ngoại lệ**

Theo thống kê mỗi năm tại Việt Nam có xấp xỉ khoảng 20 triệu học sinh và sinh viên, chưa kể số lượng người có nhu cầu thực tế về nghiên cứu, học thuật. Mặc dù, các đối tượng học sinh và sinh viên được xem như là đối tượng nghèo trong thời điểm hiện tại. Nhưng việc xâm phạm quyền tác giả tràn lan là vấn đề chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến lâu dài và tác động vô cùng lớn đối với người sáng tạo.

Đối với các trường hợp khai thác, sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan mà không cần xin phép nhưng phải trả tiền nhuận bút thù lao thì sự ra đời của các tổ chức quản lý tập thể (CMOs) là câu nói thuận lợi trong việc thỏa thuận chi trả tiền nhuận bút thù lao. Bởi vì, có rất nhiều trường hợp các tổ chức, cá nhân áp dụng hình thức sử dụng trước trả sau nhưng không tìm được tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả để liên hệ. Vậy thông qua các tổ chức quản lý tập thể này thì việc nắm được các thông tin liên hệ một cách dễ dàng hơn.

Hiện nay, tại Việt Nam có 5 tổ chức quản lý tập thể (CMOs) đang hoạt động, đó là: - Trung tâm bảo vệ quyền tác giả âm nhạc Việt Nam (VCPMC); - Hiệp hội công nghiệp ghi âm Việt Nam (RIAV); - Trung tâm quyền tác giả văn học Việt Nam (VLCC); - Hiệp hội quyền sao chép Việt Nam (VIETTRO); - Hiệp hội bảo vệ quyền của nghệ sĩ biểu diễn Việt Nam (APPA).

Mô hình hoạt động của các tổ chức này là phi lợi nhuận.

Tuy nhiên, hiện tại các tổ chức tập thể tại Việt Nam còn một số hạn chế như chưa triển khai mạnh mẽ trong việc công khai thông tin, số hóa các tác phẩm trên bộ tài nguyên thông tin của mình, các bên chưa thỏa mãn về biểu giá về mức thu.

#### **3.1.1 Đánh giá tình hình thực hiện pháp luật thông qua các cuộc khảo sát thực tế tại các trường đại học.**

Thông qua các số liệu khảo sát và đưa ra các phân tích một ví dụ về hành vi xâm phạm quyền sao chép trái phép của sinh viên. Từ đó đánh giá mức độ nhận thức và vấn đề



thực thi pháp luật hiện nay.

Một vụ việc trong năm 2017 là sinh viên một trường đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh bị nhà trường ra chỉ định (*quyết định ban đầu*) đình chỉ học tập một năm vì photo hàng loạt tài liệu mang vào trường.

Đối với trường hợp này thì tại thời điểm hiện tại pháp luật Việt Nam điều chỉnh hành vi này như thế nào ?

- Hành vi vi phạm của sinh viên này chiếu theo khoản 6, Điều 28 về hành vi xâm phạm quyền tác giả, đó là hành vi sao chép tác phẩm mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả là vi phạm pháp luật. Nhưng hành vi này sẽ bị ngoại trừ tại điểm a, khoản 1 Điều 25 nếu sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học và giảng dạy cá nhân thì không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút thù lao.

- Cần xét hai mục đích sao chép của sinh viên như sau:

Một là, mục đích nghiên cứu khoa học

Hai là, mục đích giảng dạy cá nhân

Thuật ngữ nghiên cứu khoa học<sup>2</sup> theo từ điển tiếng Việt phải được xem xét là hành động tìm hiểu, quan sát, thí nghiệm... dựa trên những số liệu, dữ liệu, tài liệu thu thập được để phát hiện ra bản chất, quy luật chung của sự vật, hiện tượng, tìm ra những kiến thức mới...

- Tiếp theo là xét về hình thức sao chép:

Sinh viên này đã mắc phải hành vi sao chép quá một bản mang vào trường phân phát (photo nhiều bản) rồi sau đó thu lại tiền photo từ các bạn.

Đây là yếu tố chính thức xác định hành vi sai trái, sinh viên này đã vi phạm tại khoản 6, Điều 28 qui định về hành vi xâm phạm quyền tác giả và vượt quá giới hạn cho phép qui định về áp dụng trường hợp ngoại lệ qui định tại điểm a, khoản 1, Điều 25 luật SHTT 2009.

Việc xử phạt đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả thì trước tiên là yêu cầu cải chính, xin lỗi công khai, bồi thường thiệt hại, tiêu hủy, xử phạt hành chính, đến một số trường hợp nghiêm trọng thì có thể truy cứu trách nhiệm hình sự...

Trước đây, không có truy cứu hình sự. Nhưng đến bộ luật hình sự 2009 thì được bổ sung tại điều 170A quy định đối với tội danh vi phạm có tổ chức, nhiều lần, với quy mô thương mại... Còn hiện nay, tại Điều 225, Bộ luật hình sự 2015 thì sửa đổi tội danh này cụ thể thể hơn là vi phạm 2 lần trở lên, thu lợi bất chính 50 triệu đồng hay gây thiệt hại cho người nắm giữ quyền 100 triệu đồng trở lên...

---

<sup>2</sup> Xem thêm từ điển tiếng Việt, tác giả Hoàng Phê, NXB Đà Nẵng, 2003.

Còn đối với đình chỉ học tập thì không có quy định cụ thể tại nghị định xử phạt về hành vi xâm phạm quyền tác giả (Nghị định 47/2009/NĐ-CP), nhưng đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh, hành nghề, thì sẽ bị đình chỉ hoạt động và thậm chí là tước giấy phép kinh doanh, giấy phép hành nghề và có thể phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm....

Vậy, việc cho thôi học với bất kỳ sinh viên nào chỉ được giới hạn xem xét có nằm trong các thông tư hướng dẫn của Bộ giáo dục để các trường vận dụng trong phạm vi nội qui nhà trường về việc cho thôi học trong trường hợp nào mà thôi. Còn đối với xâm phạm quyền tác giả, hình thức xử phạt bằng cách cho thôi học không được áp dụng.

Phân tích trường hợp trên để có thể nhận ra rằng ranh giới giữa ngoại lệ và độc quyền tác phẩm là giới hạn khá đặc biệt. Biết rằng quyền sao chép, sao chụp tác phẩm là một trong những quyền được áp dụng ngoại lệ, nhưng nếu vượt quá hình thức và mục đích khai thác thì lại bị xem là hành vi xâm phạm quyền độc quyền của chủ sở hữu và hơn nữa nếu hành vi nghiêm trọng cũng có thể sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Thông qua các đánh giá khảo sát và phân tích ví dụ trên có thể thấy mức độ nhận thức, hiểu biết và vận dụng các trường hợp ngoại lệ mà pháp luật cho phép còn hạn chế. Hơn nữa, việc xâm phạm quyền tác giả có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó cũng có thể kể đến nguyên nhân khách quan là việc ngăn chặn sao chép trái phép tài liệu chưa được các cơ quan thực thi thực hiện một cách triệt để.

### **3.2 Định hướng về các giải pháp hoàn thiện pháp luật, thực hiện pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan trong các trường hợp ngoại lệ.**

#### ***3.2.1 Các giải pháp về hoàn thiện pháp luật***

Một là, cần thường xuyên điều chỉnh pháp luật nhưng linh động trong tình hình kinh tế, điều kiện xã hội, mức thu nhập, việc làm, đến cả các mức độ ý thức, nhận thức của người dân rồi dần dần tìm cách điều chỉnh khắc phục các trường hợp qui định về ngoại lệ một cách hài hòa, phù hợp, có lộ trình.

Hai là, trong các giải pháp về hoàn chỉnh pháp luật, đặc biệt là các điều chỉnh về các trường hợp ngoại lệ, đáng chú ý là vai trò của quyền nhân thân và quyền tài sản được qui định tại Điều 19 và Điều 20. Tại điều khoản này, xét về hình thức là hoàn toàn phù hợp với điều ước quốc tế, với Công ước Bern và Hiệp định Trips về các quyền độc quyền, quyền ngoại lệ hay phù hợp với phép thử 3 bước của WIPO.

Ba là, các qui định tại Điều 19 về quyền nhân thân và Điều 20 về quyền tài sản là quyền độc quyền của tác giả, nên vai trò của hai qui định này tác động rất lớn đến các qui định về các trường hợp khai thác, sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan dựa trên các trường hợp ngoại lệ.

Bốn là, Thuật ngữ nghiên cứu khoa học cần làm sáng tỏ, cụ thể và chi tiết hơn nữa để dễ dàng phân biệt giữa nghiên cứu – nghiên cứu khoa học.

Năm là, bộ luật dân sự 2015 đã bãi bỏ các quy định về quyền sở hữu trí tuệ. Nhưng luật sở hữu trí tuệ thì không bãi bỏ để tách ra thành 3 luật nhánh. Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam vẫn gán 3 nhóm pháp luật, đó là: Quyền tác giả, quyền liên quan; quyền sở hữu công nghiệp; quyền giống cây trồng. Đây là tồn tại bất cập trong hệ thống pháp luật tại Việt Nam hiện nay.

### ***3.2.2 Về hoàn thiện tổ chức, bộ máy quản lý***

Quyền sở hữu trí tuệ thì tại Việt Nam giao cho 3 bộ ngành quản lý. Trong đó, quyền tác giả, quyền liên quan thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý, cơ quan chuyên trách về quyền này là Cục Bản quyền tác giả (COV – Copyright Office of Vietnam); quyền sở hữu công nghiệp thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan chuyên trách lại là Cục sở hữu trí tuệ (NOIP – National Office of Intellectual Property); quyền giống cây trồng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, quyền này thuộc bộ quản lý trực tiếp và chưa có cơ quan cấp cục chuyên trách.

Thế nhưng, quyền sở hữu công nghiệp thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý nhưng cơ quan quản lý lại lấy tên là Cục Sở hữu trí tuệ. Trong khi Cục này với chức năng, nhiệm vụ do chính phủ chỉ định chỉ là quản lý về quyền sở hữu công nghiệp, trong đó chỉ có các quyền về sáng chế, nhãn hiệu, giải pháp hữu ích, chỉ dẫn địa lý...

### ***3.2.3 Về hoàn thiện tổ chức, bộ máy thực thi***

Một là, hiện nay tại Việt Nam chưa có tòa chuyên trách này mà vụ việc liên quan đến sở hữu trí tuệ được giải quyết tại tòa kinh tế. Vậy cần thành lập tòa án chuyên biệt là Tòa sở hữu trí tuệ như Nhật Bản, Thái Lan và một số nước.

Hai là, quyền tác giả, quyền liên quan hiện nay qui định rất nhiều đối tượng được bảo hộ là các tác phẩm và các bản ghi âm, ghi hình, cuộc biểu diễn, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh và chương trình máy tính... Nhưng hiện nay tại Việt Nam chỉ có 5 tổ chức tập thể đại diện ủy thác quyền. Cần thành lập nhiều tổ chức ủy thác quyền hơn nữa hoặc thành lập một tổng hội để hạn chế cơ chế độc quyền của các tổ chức này.

### ***3.2.4 Về chiến lược tuyên truyền, hợp tác quốc tế, phổ cập giáo dục về quyền tác giả, quyền liên quan nhằm nâng cao nhận thức***

#### ***Về chiến lược tuyên truyền, hợp tác quốc tế:***

Một là, tăng cường các hoạt động cho ngày Sách và bản quyền Việt Nam (21/4) làm ngày bản quyền cho các hoạt động chủ yếu về văn hóa đọc, nghiên cứu, sáng tác, dịch thuật, đấu giá các sản phẩm văn hóa cùng với đó là đẩy mạnh ngày Sở hữu trí tuệ thế giới 26/4 làm ngày hội tuyên truyền, hội thảo, hội nghị quốc tế, đẩy mạnh các cuộc thi

sáng tạo và thực thi pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ...

Hai là, chủ động đề xuất xây dựng, trình chính phủ các nguồn kinh phí đặc biệt hàng năm từ các bộ ngành, giao chỉ tiêu cho các tỉnh thành, yêu cầu các đơn vị, tổ chức hoạt động giáo dục, nghề nghiệp thực hiện triển khai...

- Về chiến lược phổ cập giáo dục:

Một là, thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn, dài hạn, chuyên sâu về bản quyền trong các viện nghiên cứu, các trường đại học, các trung tâm có chức năng hoạt động về sở hữu trí tuệ, tổ chức đào tạo bước đầu cấp chứng nhận không thu phí đến lộ trình cấp chứng chỉ nghề có thu phí...

Hai là, cần sớm đưa chương trình giáo dục về quyền sở hữu trí tuệ vào các cấp học phổ thông<sup>3</sup>.

Ba là, cần phổ cập mạnh mẽ các chương trình đào tạo về quyền tác giả nói chung hoặc trong điều kiện khó đáp ứng ban đầu có thể phổ biến riêng pháp luật về quyền ngoại lệ cho các tổ chức thư viện, trung tâm học liệu, giảng viên, sinh viên người làm công tác nghiên cứu để hiểu sâu rộng hơn về các hạn chế của quyền độc quyền tác giả...

### **Tiểu kết chương 3**

Tóm lại, để hài hòa lợi ích và đảm bảo tính pháp luật vừa bảo vệ cho người sáng tạo vừa tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người khai thác pháp luật khi áp dụng các trường hợp ngoại lệ quyền tác giả, quyền liên quan mà không bị cản trở, hạn chế thì phải đồng bộ từ thực hiện pháp luật đến thực thi pháp luật.

Để hoàn thiện pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan nói chung và các trường hợp về ngoại lệ nói riêng và phù hợp với thông lệ quốc tế, phù hợp với phép thử 3 bước mà WIPO đã đề xuất thì trong định hướng bền vững, dễ tiếp cận, Việt Nam phải bãi bỏ luật sở hữu trí tuệ, thay vào đó là tách luật sở hữu trí tuệ thành 3 đạo luật: Luật quyền tác giả, quyền liên quan; luật sở hữu công nghiệp và luật giống cây trồng, vật liệu thu hoạch giống.

Việc thực thi pháp luật cũng phải được đảm bảo một cách toàn diện thì lúc đó người sáng tạo sẽ yên tâm và đời sống của họ sẽ được đảm bảo.

Bên cạnh đó, cần nâng cao công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao ý thức và nhận thức cho người khai thác, sử dụng, đặc biệt là các quy định pháp luật về khai thác, sử dụng các trường hợp ngoại lệ quyền tác giả, quyền liên quan để họ nhận thức được rằng tính nhân văn trong pháp luật về quyền tác giả đối với tác phẩm là pháp

---

<sup>3</sup> Trước năm 2010 theo chủ trương Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai đề án chương trình đưa bộ môn sở hữu trí tuệ vào giáo dục.

luật trao cho tác giả quyền độc quyền nhưng cũng trao cho người sử dụng một số quyền ngoại lệ nhằm hài hòa lợi ích cho người thụ hưởng và bảo vệ quyền lợi cho người sáng tạo. Từ đó, để người sử dụng vừa được hưởng lợi vừa khai thác có trách nhiệm, tôn trọng quyền kinh tế, quyền tinh thần đối với người có công sáng tạo.

## KẾT LUẬN

Như đã đề cập Luật Sở hữu Trí tuệ Việt Nam ra đời 2005 và có hiệu lực 2006. Trong mười năm thi hành với vai trò vừa bảo vệ quyền lợi cho các tác giả sáng tạo tác phẩm vừa bảo đảm quyền lợi cho người khai thác, sử dụng. Thật sự, là không dễ, khi vai trò của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan là phải làm sao để vừa cân bằng, hài hòa lợi ích giữa hai chủ thể đều có quyền lợi và nhu cầu như nhau.

Chính vì điều này mà pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan không thể tránh được những bất cập, vướng mắc trong quá trình điều chỉnh.

Hơn nữa, từ trước đến nay đại đa số các chủ thể khi tiếp cận về pháp luật quyền tác giả, quyền liên quan như từ cơ quan thực thi đến doanh nghiệp khai thác nhằm mục đích thương mại hay kể cả các tổ chức phục vụ công tác học thuật, nghiên cứu, thư viện trong các trường đại học, giảng viên, sinh viên... Khi đề cập đến nhu cầu khai thác, lưu trữ, sao chép, trích dẫn là người sử dụng chỉ nghĩ rằng pháp luật chỉ bảo hộ cho người sáng tạo tác phẩm hay nếu tự ý xâm phạm đến tài sản trí tuệ của người khác thì sẽ phải chịu các chế tài xử phạt... Nhưng, thực tế là họ không chú trọng đến quyền lợi khai thác, khi bỏ qua các quy định về một số trường hợp ngoại lệ như không cần phải xin phép, không cần phải trả tiền nhuận bút, thù lao.

Thuật ngữ “ngoại lệ” về quyền tác giả, quyền liên quan không được đề cập trong pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, công ước Bern, hiệp định Trips đã đưa ra các quy định về ngoại lệ và các giới hạn về ngoại lệ này được các quốc gia thành viên trong đó có Việt Nam đã qui định cụ thể trong luật.

Tuy còn một số điểm chưa tương thích giữa pháp luật Việt Nam với các nước. Nhưng qua các phân tích cũng đã cho thấy pháp luật Việt Nam rất quan tâm đến các trường hợp ngoại lệ và bên cạnh các qui định cho phép khai thác, sử dụng pháp luật trong các trường hợp ngoại lệ thì pháp luật Việt Nam vẫn đảm bảo được các khuôn khổ pháp luật để bảo vệ cho người sáng tạo.

Về vấn đề thực thi pháp luật, thực hiện pháp luật thì cần nâng cao công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao ý thức và nhận thức cho người khai thác, sử dụng, đặc biệt là các quy định pháp luật về khai thác, sử dụng các trường hợp ngoại lệ quyền tác giả, quyền liên quan để họ nhận thức được rằng tính nhân văn trong pháp luật về quyền tác giả đối với tác phẩm là pháp luật trao cho tác giả quyền độc quyền nhưng cũng trao cho người sử dụng một số quyền ngoại lệ nhằm hài hòa lợi ích cho người thụ hưởng và bảo vệ quyền lợi cho người sáng tạo. Từ đó, để người sử dụng vừa được hưởng lợi vừa khai thác có trách nhiệm, tôn trọng quyền kinh tế, quyền tinh thần đối với người có công sáng tạo./.